

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM TRA THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NGOÀI QUỐC DOANH: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ TẠI THUẾ TỈNH ĐỒNG THÁP

BÙI VĂN TRỊNH¹ - LÊ THỊ KIM YẾN^{2*}

¹Trường Đại học Cửu Long

Cuu Long University

²Kiểm tra viên Thuế tỉnh Đồng Tháp

Tax Inspector, Dong Thap Provincial Tax Authority

*Tác giả liên hệ - Email: yen.ltk298@gmail.com

Ngày nhận bài: 28/6/2026

Ngày sửa chữa bài: 15/7/2026

Ngày duyệt đăng: 25/7/2026

Tóm tắt:

Nghiên cứu phân tích thực trạng công tác kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Thuế tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025. Kết quả nghiên cứu cho thấy, khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh ngày càng đóng góp quan trọng vào nguồn thu ngân sách nhà nước; công tác kiểm tra thuế đã có những chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, hoạt động kiểm tra vẫn còn một số hạn chế liên quan đến chất lượng phân tích rủi ro, khai thác và liên thông dữ liệu, nguồn nhân lực và khả năng kiểm soát các phương thức kinh doanh mới. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp trọng tâm gồm hoàn thiện cơ chế quản lý rủi ro, đẩy mạnh chuyển đổi số và khai thác dữ liệu, nâng cao năng lực công chức thuế, tăng cường phối hợp quản lý và hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ pháp luật thuế. Kết quả nghiên cứu góp phần nâng cao hiệu quả kiểm tra thuế, chống thất thu ngân sách và thúc đẩy tuân thủ thuế bền vững.

Từ khóa: kiểm tra thuế, doanh nghiệp ngoài quốc doanh, quản lý thuế, quản lý rủi ro, Thuế tỉnh Đồng Tháp

Improving tax inspection for non-state enterprises: A case study of the Dong Thap Provincial Tax Authority

Abstract:

This study analyzes tax inspection activities for non-state enterprises at the Dong Thap Provincial Tax Authority during 2021–2025. The findings show that non-state enterprises increasingly contribute to state budget revenue and that tax inspection has gradually shifted toward risk-based administration and greater use of information technology. However, limitations remain in risk analysis quality, data integration and utilization, human resources, and the monitoring of emerging business models. The study recommends improving risk-management mechanisms, accelerating digital transformation and data exploitation, strengthening tax officials' professional capabilities, enhancing coordination among relevant agencies, and supporting enterprises in complying with tax regulations. These measures are expected to improve inspection effectiveness, prevent tax revenue losses, optimize administrative resources, and promote sustainable tax compliance among non-state enterprises.

Keywords: tax inspection, non-state enterprises, tax administration, risk management, Dong Thap Provincial Tax Authority

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh (DNNQD) ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội và nguồn thu ngân sách nhà nước. Sự gia tăng về số lượng, quy mô và phương thức kinh doanh, cùng với sự phát triển của thương mại điện tử và giao dịch trên nền tảng số, đang đặt ra yêu cầu mới đối với công tác quản lý và kiểm tra thuế.

Tại Đồng Tháp, DNNQD đóng góp ngày càng đáng kể vào ngân sách, song công tác kiểm tra thuế vẫn còn hạn chế về nguồn lực, chất lượng phân tích rủi ro, khai thác dữ liệu và kiểm soát sai phạm về kê khai, chi phí, hóa đơn. Vì vậy, nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác kiểm tra thuế đối với DNNQD tại Thuế tỉnh Đồng Tháp là cần thiết, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, chống thất thu và thúc đẩy tuân thủ pháp luật thuế.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

Kiểm tra thuế là chức năng quan trọng của quản lý thuế hiện đại, góp phần bảo đảm tuân thủ pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý và tạo môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng. Theo OECD (2022), quản lý thuế đang chuyển từ kiểm tra toàn diện sang quản lý dựa trên rủi ro, trong đó việc phân tích dữ liệu, đánh giá mức độ tuân thủ và nhận diện rủi ro giúp cơ quan thuế sử dụng hiệu quả nguồn lực, kịp thời phát hiện vi phạm và thúc đẩy tuân thủ tự nguyện.

Theo Bird và Zolt (2008), hiệu quả quản lý thuế được thể hiện không chỉ ở khả năng huy động nguồn thu mà còn ở mức độ tuân thủ, chi phí quản lý và sự công bằng giữa các đối tượng nộp thuế. Kirchler (2007) cho rằng, tuân thủ thuế chịu tác động bởi khả năng phát hiện vi phạm và mức độ tin cậy của người nộp thuế đối với hệ thống quản lý. Bên cạnh đó, Alm (2019) nhấn mạnh vai trò của công nghệ thông tin, phân tích dữ liệu và quản lý rủi ro trong nâng cao hiệu quả phát hiện sai phạm, giảm chi phí và hạn chế kiểm tra chồng chéo.

Trên cơ sở đó, hoàn thiện công tác kiểm tra thuế được hiểu là quá trình đổi mới đồng bộ về thể chế, quy trình, phương pháp quản lý, nguồn nhân lực và ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao chất lượng kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý vi phạm, đồng thời tạo thuận lợi cho người nộp thuế thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Đây là cơ sở để đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác kiểm tra.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu kết hợp phương pháp định tính với thống kê mô tả nhằm phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác kiểm tra thuế, sử dụng cả dữ liệu thứ cấp và sơ cấp.

Dữ liệu thứ cấp được tổng hợp từ Luật Quản lý thuế, các văn bản hướng dẫn, chiến lược cải cách thuế, báo cáo của cơ quan quản lý thuế, các nghiên cứu khoa học và tài liệu của OECD, IMF, Ngân hàng Thế giới liên quan đến quản lý, kiểm tra thuế. Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua khảo sát công chức thuế và người nộp thuế trên địa bàn nghiên cứu, tập trung vào thực trạng tổ chức, hiệu quả kiểm tra, mức độ tuân thủ, khó khăn và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng kiểm tra thuế.

Về phân tích, nghiên cứu sử dụng thống kê mô tả để tổng hợp kết quả khảo sát; phương pháp so sánh để đánh giá biến động các chỉ tiêu qua các năm và đối chiếu giữa quy định với thực tiễn; đồng thời kết hợp tổng hợp, phân tích và suy luận logic để xác định nguyên nhân của những hạn chế. Kết quả được đối chiếu với cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm đề xuất các giải pháp có tính khả thi, phù hợp với yêu cầu hiện đại hóa quản lý thuế.

3. Kết quả nghiên cứu và giải pháp

3.1. Kết quả phân tích thực trạng

Kết quả phân tích công tác kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh (DNNQD) tại Thuế tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025 cho thấy:

Thứ nhất, hoạt động kiểm tra đã từng bước chuyển sang quản lý dựa trên rủi ro, tăng cường khai thác dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin, phù hợp với yêu cầu cải cách, hiện đại hóa ngành Thuế và sự đa dạng về quy mô, ngành nghề, phương thức kinh doanh của DNNQD. Nội dung đánh giá tập trung vào 4 nhóm: lập kế hoạch và lựa chọn đối tượng kiểm tra; kết quả thực hiện và xử lý sau kiểm tra; hiệu quả kiểm tra; các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng kiểm tra.

DNNQD ngày càng đóng góp quan trọng vào nguồn thu ngân sách tỉnh. Tổng thu nội địa tăng từ 7.016.452 triệu đồng năm 2021 lên 9.193.972 triệu đồng năm 2025; thu từ DNNQD tăng từ 1.298.000 triệu đồng lên 2.107.329 triệu đồng, dù giảm nhẹ năm 2024. Riêng năm 2025, thu từ DNNQD tăng 35,05% so với năm 2024, chiếm 22,92% tổng thu nội địa, cao nhất giai đoạn nghiên cứu. Kết quả này khẳng định vai trò đáng kể của DNNQD đối với ngân sách và sự cần thiết phải tăng cường quản lý, kiểm tra thuế đối với khu vực này. (Bảng 1)

Bảng 1. Một số chỉ tiêu thu ngân sách từ khu vực DNNQD giai đoạn 2021-2025

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
Tổng thu nội địa (triệu đồng)	4.337.601	4.657.214	5.274.297	5.893.531	6.033.391
Thu từ DNNQD (triệu đồng)	652.003	673.150	997.830	919.894	1.154.028
Tỷ trọng thu DNNQD/Tổng thu nội địa (%)	15,0	14,5	18,9	15,6	19,1

Nguồn: Phân tích từ số liệu Cơ quan Thuế tỉnh Đồng Tháp, 2026

Thứ hai, công tác lập kế hoạch và lựa chọn đối tượng kiểm tra đã có sự chuyển biến theo hướng chú trọng phân tích rủi ro. Việc lựa chọn đối tượng không chỉ dựa vào chỉ tiêu kế hoạch mà ngày càng kết hợp thông tin từ hồ sơ khai thuế, báo cáo tài chính, lịch sử chấp hành nghĩa vụ thuế, kết quả kiểm tra các năm trước và dữ liệu hóa đơn điện tử. Cách tiếp cận này giúp cơ quan thuế tập trung nguồn lực vào các doanh nghiệp có nguy cơ rủi ro cao, đồng thời hạn chế kiểm tra dàn trải đối với những doanh nghiệp có mức độ tuân thủ tốt. Tuy nhiên, số lượng DNNQD ngày càng tăng trong khi nguồn nhân lực kiểm tra còn hạn chế khiến yêu cầu lựa chọn đúng đối tượng và nâng cao chất lượng phân tích rủi ro trở nên cấp thiết hơn (Bảng 2).

Bảng 2. Các nội dung trọng tâm trong lập kế hoạch và lựa chọn đối tượng kiểm tra

Nội dung đánh giá	Thực trạng chủ yếu	Đánh giá
Xây dựng kế hoạch kiểm tra	Gắn với yêu cầu quản lý và nguồn lực thực tế	Tương đối phù hợp
Lựa chọn đối tượng	Từng bước dựa trên phân tích rủi ro	Có chuyển biến tích cực
Khai thác dữ liệu	Sử dụng hồ sơ khai thuế, lịch sử tuân thủ, hóa đơn điện tử và dữ liệu liên quan	Cần tiếp tục nâng cao
Phân bổ nguồn lực	Tập trung vào doanh nghiệp, ngành nghề có rủi ro	Phù hợp định hướng quản lý rủi ro
Khó khăn	Số lượng doanh nghiệp tăng, dữ liệu ngày càng lớn, nhân lực có hạn	Cần tăng cường công nghệ và nhân lực

Nguồn: Tổng hợp và phân tích từ kết quả nghiên cứu

Thứ ba, kết quả phân tích cho thấy hiệu quả công tác kiểm tra thuế không chỉ được phản ánh qua số cuộc kiểm tra hoàn thành, mà còn qua khả năng phát hiện, xử lý vi phạm và chuyển hóa kết quả kiểm tra thành số thu thực tế cho ngân sách. Các chỉ tiêu quan trọng gồm tỷ lệ hoàn thành kế hoạch, tổng số kiến nghị xử lý về thuế, số giảm lỗ, giảm khấu trừ và số thuế thực nộp sau kiểm tra. Trong đó, số thuế thực nộp là chỉ tiêu có ý nghĩa đặc biệt trong đánh giá hiệu quả thực chất, bởi phản ánh khả năng thu hồi các khoản phải nộp sau khi cơ quan thuế phát hiện và xử lý sai phạm (Bảng 3).

Bảng 3. Khung đánh giá kết quả và hiệu quả công tác kiểm tra thuế

Nhóm đánh giá	Chỉ tiêu chủ yếu	Ý nghĩa
Thực hiện kế hoạch	Tỷ lệ hoàn thành số cuộc kiểm tra	Đánh giá khả năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ
Phát hiện và xử lý	Tổng số kiến nghị xử lý về thuế	Phản ánh khả năng phát hiện sai phạm
Điều chỉnh nghĩa vụ thuế	Số giảm lỗ, giảm khấu trừ	Góp phần chống thất thu NSNN
Thu hồi sau kiểm tra	Số thuế, phạt, chậm nộp thực nộp	Đánh giá hiệu quả thực chất của kiểm tra
Tuân thủ thuế	Xu hướng giảm sai phạm lặp lại	Đánh giá tác động lâu dài của kiểm tra

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ phân tích thực trạng

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác kiểm tra thuế đối với DNNQD vẫn còn một số hạn chế. Một bộ phận doanh nghiệp còn sai sót trong kê khai doanh thu, hạch toán chi phí, xác định nghĩa vụ thuế, khấu trừ thuế GTGT và sử dụng hóa đơn điện tử. Sự phát triển của thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số làm cho hành vi gian lận thuế ngày càng phức tạp, trong khi nguồn nhân lực kiểm tra chưa đáp ứng tương xứng với số lượng doanh nghiệp và khối lượng dữ liệu.

Từ thực tiễn trên, 3 vấn đề cần ưu tiên là: (i) nâng cao chất lượng phân tích rủi ro và lựa chọn đối tượng kiểm tra; (ii) tăng cường khai thác, liên thông và phân tích dữ liệu, nhất là hóa đơn điện tử và dữ liệu kinh doanh số; (iii) nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng phân tích dữ liệu của công chức thuế và tăng cường phối hợp giữa các cơ quan liên quan. Đây là cơ sở để đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác kiểm tra thuế theo hướng quản lý rủi ro, khai thác dữ liệu số và phát triển nguồn nhân lực, qua đó nâng cao hiệu quả phát hiện, xử lý vi phạm, chống thất thu và thúc đẩy tuân thủ thuế bền vững.

3.2. Giải pháp hoàn thiện công tác kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh

Trên cơ sở kết quả phân tích, để nâng cao hiệu quả kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh (DNNQD) tại Thuế tỉnh Đồng Tháp, cần triển khai đồng bộ các giải pháp theo hướng hiện đại hóa, quản lý dựa trên rủi ro và tăng cường tuân thủ tự nguyện.

Thứ nhất, nâng cao chất lượng phân tích rủi ro và lựa chọn đối tượng kiểm tra. Cơ quan thuế cần hoàn thiện tiêu chí phân loại rủi ro theo nhóm doanh nghiệp, ngành nghề và quy mô; thường xuyên cập nhật dữ liệu về doanh thu, lợi nhuận, thuế, hóa đơn và lịch sử tuân thủ. Việc lựa chọn đối tượng cần tập trung vào doanh nghiệp có rủi ro cao, qua đó sử dụng hiệu quả nguồn lực và hạn chế kiểm tra dàn trải.

Thứ hai, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và khai thác dữ liệu số. Cần tăng cường kết nối, phân tích và đối chiếu dữ liệu từ hồ sơ khai thuế, hóa đơn điện tử, báo cáo tài chính và các nguồn liên quan; đồng thời ứng dụng công cụ phân tích dữ liệu để nhận diện bất thường về doanh thu, chi phí, lợi nhuận và giao dịch liên kết, nhất là trong các lĩnh vực rủi ro cao và kinh doanh trên nền tảng số.

Thứ ba, nâng cao năng lực công chức thuế và tăng cường phối hợp. Cần đào tạo chuyên sâu về phân tích dữ liệu, giao dịch điện tử, thương mại điện tử và các mô hình kinh doanh mới; đồng thời tăng cường trao đổi thông tin giữa các bộ phận và phối hợp với cơ quan chức năng nhằm nâng cao chất lượng kiểm tra, rút ngắn thời gian xử lý và tăng khả năng thu hồi các khoản thuế, tiền phạt sau kiểm tra.

Các giải pháp trên được cụ thể hóa thành 5 nhóm, bao gồm: quản lý rủi ro; chuyển đổi số và dữ liệu; nguồn nhân lực; phối hợp quản lý; hỗ trợ tuân thủ, như trình bày tại Bảng 4.

Bảng 4. Giải pháp hoàn thiện công tác kiểm tra thuế đối với DNNQD

Nhóm giải pháp	Nội dung trọng tâm	Kết quả kỳ vọng
1. Quản lý rủi ro	Hoàn thiện tiêu chí phân loại rủi ro; nâng cao chất lượng lựa chọn đối tượng kiểm tra	Tập trung nguồn lực vào doanh nghiệp có rủi ro cao, giảm kiểm tra dàn trải

2. Chuyển đổi số và dữ liệu	Liên thông, khai thác dữ liệu thuế, hóa đơn điện tử và báo cáo tài chính; tăng cường phân tích dữ liệu	Nâng cao khả năng phát hiện dấu hiệu bất thường và sai phạm
3. Nguồn nhân lực	Đào tạo kỹ năng phân tích dữ liệu, kiểm tra giao dịch điện tử và lĩnh vực kinh doanh mới	Nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính chuyên nghiệp của kiểm tra
4. Phối hợp quản lý	Tăng cường trao đổi thông tin giữa các bộ phận và phối hợp với cơ quan chức năng	Nâng cao hiệu quả xác minh, xử lý vi phạm và thu hồi nợ sau kiểm tra
5. Hỗ trợ tuân thủ	Kết hợp kiểm tra với tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện đúng chính sách thuế	Tăng tuân thủ tự nguyện, hạn chế sai phạm và giảm chi phí quản lý

Nguồn: Đề xuất của tác giả trên cơ sở kết quả phân tích thực trạng công tác kiểm tra thuế đối với DNNQD tại Thuế tỉnh Đồng Tháp.

Nhìn tổng thể, các giải pháp trên cần được triển khai theo một quy trình thống nhất, trong đó quản lý rủi ro là nền tảng, dữ liệu số là công cụ, nguồn nhân lực là yếu tố quyết định và phối hợp liên ngành là điều kiện hỗ trợ. Cách tiếp cận này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả kiểm tra thuế, chống thất thu ngân sách, đồng thời tạo môi trường quản lý minh bạch và thúc đẩy DNNQD nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật thuế.

4. Kết luận

Nghiên cứu đã phân tích thực trạng công tác kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Thuế tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025, qua đó cho thấy công tác kiểm tra đã có những chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý thuế, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm, tăng thu ngân sách nhà nước và thúc đẩy tuân thủ pháp luật thuế. Tuy nhiên, công tác kiểm tra vẫn còn một số hạn chế do số lượng doanh nghiệp ngày càng tăng, phương thức kinh doanh ngày càng đa dạng, dữ liệu quản lý chưa được khai thác đồng bộ và năng lực phân tích rủi ro còn cần nâng cao. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các nhóm giải pháp trọng tâm gồm: hoàn thiện quản lý rủi ro và lựa chọn đối tượng kiểm tra; đẩy mạnh chuyển đổi số, khai thác và liên thông dữ liệu; nâng cao năng lực công chức thuế; tăng cường phối hợp quản lý và hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp sẽ góp phần nâng cao hiệu quả kiểm tra thuế, chống thất thu ngân sách và xây dựng môi trường quản lý thuế hiện đại, minh bạch, hiệu quả ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Alm, J. (2019). What motivates tax compliance? *Journal of Economic Surveys*, 33(2), 353-388.
- Bird, R. M., & Zolt, E. M. (2008). Technology and Taxation in Developing Countries: From Hand to Mouse. *National Tax Journal*, LXI, 791-821.
- Bộ Tài chính. (2019). Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 05/6/2019 quy định việc áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế. Hà Nội, Việt Nam.
- Bộ Tài chính. (2021). Thông tư số 06/2021/TT-BTC ngày 22/01/2021 hướng dẫn Luật Quản lý thuế. Hà Nội, Việt Nam.
- Chính phủ. (2020). Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế. Hà Nội, Việt Nam.
- Kirchler, E. (2007). *The economic psychology of tax behaviour*. Cambridge University Press.
- OECD. (2022). *Tax Administration 2022: Comparative Information on OECD and Other Advanced and Emerging Economies*. OECD Publishing.
- Quốc hội. (2019). Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019. Hà Nội, Việt Nam.
- Tổng cục Thuế. (2022). Quyết định số 970/QĐ-TCT ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc ban hành Quy trình kiểm tra thuế. Hà Nội, Việt Nam.
- Thuế tỉnh Đồng Tháp. (2025). Báo cáo tổng kết công tác thuế và kết quả kiểm tra thuế giai đoạn 2021-2025. Đồng Tháp, Việt Nam.